TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIAO THỦY** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/DS-ST.
Ngày: 23- 7- 2024
V/v: Tranh chấp đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Giao.

Ông Trần Xuân Thu.

- Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Thị Mừng - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử công khai vụ án thụ lý số: 19/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024 về "Tranh chấp đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Vũ Đức L; địa chỉ nơi cư trú: Xóm T, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; "có mặt".

- *Bị đơn:* Bị đơn: Ông Lương Văn T và bà Cao Thị Y; địa chỉ nơi đăng ký thường trú: Xóm T, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

- *Người làm chứng*:

1. Ông Đinh Văn L1; địa chỉ: Xóm G, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; "có mặt".

2. Ông Đinh Văn H; địa chỉ: Xóm T, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, cùng lời khai khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, phía nguyên đơn ông Vũ Đức L trình bày: Vào ngày 03- 4- 2009 ông Vũ Đức L cùng 10 người khác trong đó có ông Vũ Văn N, ông Đinh Văn L1, ông Đinh Văn H và ông Trần Hải N1 tổ chức hội phường (dây phường), trong đó có 3 thành viên mỗi người vào 02 xuất nên có 14 xuất. Các thành viên thoả thuận 01 năm góp 03 lần, mỗi xuất góp một lần đóng là 4 chỉ vàng 9999, người lấy trước phải thanh toán cho người lấy sau 4 chỉ gốc và 1 chỉ lãi, tổng là 5 chỉ vàng 9999; người lĩnh phường làm tiệc mời các thành viên đến dự và nộp phường; chủ phường là ông Trần Hải N1 có trách nhiệm tổ chức nhưng không có trách nhiệm thu phường. Ông Lương Văn T xin lấy phường đầu tiên, các thành viên đã góp mỗi xuất 4 chỉ vàng, tổng cộng 13 xuất x 4 chỉ = 52 chỉ cho ông T, bà Y. Ông T, bà Y góp 02 lần mở phường tiếp theo cho ông N1, ông H mỗi người 5 chỉ, tổng là 10 chỉ rồi không góp phường nữa. Các thành viên trong phường chưa lĩnh đã đôn đốc, ông T, bà Y đã trả tiếp 05 chỉ vàng nữa chia đều cho 11 xuất phường. Ngày 03- 01- 2013, ông T, bà Y đã viết cam kết nhận trách nhiệm trả cho các thành viên tham gia phường chưa lĩnh. Thực tế ông mới chỉ được nhận gần 0,5 chỉ vàng trong số 05 chỉ ông T, bà Y đã trả cho hội phường. Do theo văn bản cam kết đã nêu thì ông T, bà Y còn nợ số vàng 37 chỉ đối với 11 xuất phường, ông theo 01 xuất nên ông T, bà Y còn nợ ông là 3,36 chỉ 9999. Từ đó đến nay, ông T, bà Y không trả cho ông số vàng nào nữa. Nay ông đề nghị Tòa án buộc ông Lương Văn T và vợ là bà Cao Thị Y phải trả cho ông số vàng 3,36 chỉ này.

Người làm chứng là ông Đinh Văn L1 trình bày: Việc vào phường vàng như ông N trình bày là đúng. Sau khi cấp phường cho ông N1 xong thì ông T có thông báo cho hội phường (dây phường) là ông T không có khả năng theo phường nên hội phường (dây phường) đã thống nhất dừng lại không tiếp tục nữa. Ông T, ông H và ông N1 phải có trách nhiệm thanh toán cho hội phường (dây phường) nhưng chỉ có ông N1 và ông H thanh toán còn ông T không thanh toán. Ông đòi nhiều lần nhưng ông T, bà Y vẫn còn nợ lại các thành viên trong phường số vàng 37 chỉ như ông N trình bày là đúng.

Người làm chứng là ông Đinh Văn H trình bày: Ông có tham gia phường vàng như ông N, ông L1 trình bày. Ông tham gia 02 xuất, ông đã lĩnh 01 xuất vào lần mở phường thứ 2, ông T, bà Y đã lĩnh phường đầu tiên nên đã góp cho ông lần lĩnh phường này số vàng 5 chỉ. Sau đó ông T không tham gia phường và các thành viên đã thống nhất chấm dứt phường. Nay ông T, bà Y còn nợ ông N 3,36 chỉ vàng 9999 là đúng.

Anh Lương Thanh T1 trình bày: Anh là con của ông Lương Văn T và bà Cao Thị Y. Bố mẹ anh hiện nay đi làm ăn xa, anh cũng không rõ địa chỉ của bố mẹ anh ở đâu, việc bố mẹ anh nợ phường vàng với ông L anh không biết, anh từ chối nhận

các văn bản tố tụng của Tòa án chuyển cho bố mẹ anh.

Việc giao, tống đạt, niêm yết các văn bản tố tung cho ông Lương Văn T, bà Cao Thị Y: Qua xác minh ông T, bà Y không có mặt tại địa chỉ đăng ký thường trú, không cung cấp địa chỉ hiện tại, không rõ thời điểm trở về. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho ông T và bà Y theo quy định pháp luật. Đến thời điểm xét xử, ông T, bà Y không đến Tòa án để làm việc, không cung cấp bất cứ tài liệu chứng cứ gì.

Xác định giá trị tài sản tranh chấp: Giá vàng nhẫn tròn giao dịch tại huyện G là 7.500.000 đồng/chỉ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đức L; Căn cứ các điều 165, 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc vợ chồng ông Lương Văn T và bà Cao Thị Y có nghĩa vụ trả nợ ông Vũ Đức L 3,36 chỉ vàng 9999. Về án phí: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Lương Văn T và bà Cao Thị Y tham gia giao dịch dân sự khi cư trú tại Xóm T, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định, hiện vẫn đăng ký thường trú tại địa chỉ này nhưng vắng mặt không thông báo địa chỉ mới. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05- 5- 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì đây được xem là trường hợp đương sự cố tình giấu địa chỉ.

[2] Bị đơn ông Lương Văn T và bà Cao Thị Y được triệu tập hợp lệ hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự này là có cơ sở.

[3] Nghĩa vụ chứng minh để phản đối yêu cầu của nguyên đơn thuộc về phía bị đơn nhưng ông T, bà Y không đưa ra tài liệu chứng cứ, chứng minh nên Toà án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ là phù hợp quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Ông Lương Văn T, bà Cao Thị Y có tham gia phường vàng cùng ông Vũ Đức L và 09 người khác. Tuy việc thoả thuận lãi phường vàng không phù hợp quy định của pháp luật. Nhưng trong vụ án này dây phường đã chấm dứt, nguyên đơn yêu cầu đòi số vàng đã chuyển cho bị đơn nhưng chưa được nhận lại, không yêu cầu

lãi. Vì vậy, Toà án xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp kiện đòi tài sản", không xem xét tính hợp pháp của Hợp đồng phường.

[5] Theo tài liệu có tiêu đề "Văn bản phường 8- 3- 2009", thể hiện ông Lương Văn T và bà Cao Thị Y đã nhận đủ số vàng do các thành viên trong dây phường góp, trong đó có ông Vũ Đức L góp 4 chỉ vàng 9999. Dây phường đã được thống nhất chấm dứt nhưng ông T, bà Y1 chưa trả số vàng cho những thành viên chưa lĩnh phường. Tài liệu có tiêu đề "Giấy biên nhận" ngày 03- 01- 2013 thể hiện ông Lương Văn T, bà Cao Thị Y cam kết trả 37 chỉ vàng cho 11 xuất phường. Ông L còn theo 01 xuất nên ông T, bà Y còn giữ của ông N 37 chỉ vàng/ 11 xuất = 3,36 chỉ vàng là phù hợp. Từ những căn cứ này, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông Vũ Đức L đòi lại ông Lương Văn T và vợ là bà Cao Thị Y trả số vàng 3,36 chỉ, tương đương 22.500.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của ông Vũ Đức L được chấp nhận nên ông Lương Văn T và bà Cao Thị Y phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 165, 166 và 688 của Bộ luật Dân sự 2015; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đức L;

Buộc ông Lương Văn T và bà Cao Thị Y có nghĩa vụ trả ông Vũ Đức L 3,36 chỉ vàng 9999, tương đương 26.250.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc ông Lương Văn T và bà Cao Thị Y phải nộp 300.000 đồng.

Hoàn trả ông Vũ Đức L số tiền tạm ứng án phí nộp là 600.000 đồng tại biên lai thu số 00045477 ngày 01 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục thi hành án huyện Giao Thủy.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; ông Vũ Đức L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lương Văn T và bà Cao Thị Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự: 03 bản;
- VKSND huyện Giao Thủy: 01 bản;
- VKSND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy: 01 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Duyên